KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn: Tiếng Việt ; lớp 1C.

 Tên bài học: **Bài 107: au- âu** số tiết CT: **243, 244**

Thời gian thực hiện: Thứ Ba ngày 04 tháng 02 năm 2025

**I**. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- HS nhận biết vần ***au****,* ***âu***; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần ***au****,* ***âu***.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng các tiếng có vần ***au***, vần ***âu***.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Sáu củ cà rốt*.

- Viết đúng: **au, cây cau, âu, chim sâu** (trên bảng con).

- Qua hình ảnh nhân vật thỏ nâu giúp HS nhận biết phải vâng lời người lớn và biết nhận việc vừa sức với bản thân.

- Phát triển các NL: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, ngôn ngữ, ....

- Phát triển các phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu nước, nhân ái

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, tranh minh họa bài học, bảng phụ, nhạc vận động…..

- HS: *Sách Tiếng Việt 1,* tập 2. bảng con, sách giáo khoa, bộ chữ, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động cuả HS** |
| **TIẾT 1****1.Hoạt động Mở đầu**: (3 phút)- Cả lớp hát – vận động theo nhạc bài: “Cá càng bơi”**2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới (15 phút)*****2.1. Dạy vần au***- Gọi HS đọc vần mới.+ GV chỉ từng chữ **a** và **u.**- Gọi HS phân tích, đánh vần vần **au**- GV chỉ mô hình từng vần, yêu cầu HS đánh vần và đọc trơn:

|  |
| --- |
| **au** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **a** | **u** | **:a - u** **- au / au** |

Giới thiệu từ khóa: GV chỉ tranh vẽ, hỏi: Tranh vẽ gì? - Chúng ta có từ mới: cây cau.- Trong từ cây cau, tiếng nào có vần au?- Em hãy phân tích tiếng **cau**?- GV chỉ mô hình tiếng **cau**, yêu cầu HS đánh vần, đọc trơn:

|  |
| --- |
| **cau** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **c** | **au** | **: c** **- au - cau** / **cau** |

**1.2 Dạy vần âu**- Gọi HS đọc vần mới+ GV chỉ từng chữ **â** và **u.**- Gọi HS phân tích, đánh vần vần **âu**.- GV chỉ mô hình từng vần, yêu cầu HS đánh vần và đọc trơn:

|  |
| --- |
| **âu** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **â** | **u** | **:â - u** **- âu / âu** |

- GV chỉ tranh vẽ, hỏi: Tranh vẽ gì? - Chúng ta có từ mới: chim sâu.- Trong từ chim sâu, tiếng nào có vần **âu**?- Em hãy phân tích tiếng **sâu**?- GV chỉ mô hình tiếng **sâu**, yêu cầu HS đánh vần, đọc trơn

|  |
| --- |
| **sâu** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **s** | **âu** | : **sờ** **- âu - sâu** / **sâu** |

*\* Củng cố:* + Các em vừa học 2 vần mới là vần gì?+ Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì? *Chú ý*: Vần **au** giống vần **âu** đều có âm cuối là âm **u**. Khác vần **au** có âm đầu là âm **a**, vần **âu** có âm đầu là âm **â****3. Luyện tập (17 phút)*****3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần au, tiếng nào có vần **âu**?)- Nêu yêu cầu: Tìm tiếng có vần au, tiếng có vần âu?- GV chỉ từng từ ngữ trong bài, gọi HS đọc.- GV chỉ từ ngữ không theo thứ tự, yêu cầu cả lớp đọc nhỏ.- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm tiếng nào có vần au, tiếng có vần âu?)- Gọi HS trình bày kết quả.- GV nhận xét***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4) (cỡ nhỡ) a) GV viết mẫu trên bảng lớp các vần, từ *au, âu, cây cau, chim sâu*b) Viết vần: au, âu (cỡ nhỡ) - GV gọi 1 HS đọc vần au, nói cách viết. - GV vừa viết vần au vừa hướng dẫn: chú ý độ cao các con chữ; nét nối giữa a và u- Làm tương tự với vần âu- Cả lớp viết bảng con: *au, âu* (2 lần). - HS giơ bảng. GV nhận xét. c) Viết tiếng: (cây) cau, *(chim) sâu.*- Gv gọi 1HS đọc tiếng cau, nói cách viết.- GV vừa viết mẫu tiếng *cau* vừa hướng dẫn quy trình viết- Làm tương tự với tiếng sâu- Yêu cầu cả lớp viết:( cây) *cau*, (chim) sâu (2 lần) - HS giơ bảng. GV nhận xét.**TIẾT 2*****3.3. Tập đọc*** (BT 3). (28 phút)a) GV chỉ hình minh hoạ bài ***Sáu củ cà rốt*,** giới thiệu hình ảnh trong tranhb) GV đọc mẫu- Giải nghĩa từ: **hấp, hì**c) Luyện đọc từ ngữ **: *sáu củ, thỏ nâu, nhổ cà rốt, nằm sâu, hấp, một lát sau, la lên***d) Luyện đọc câu:- GV: Bài đọc có mấy câu? - GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.- Đọc nối tiếp từng câue) Thi đọc- Thi đọc nối tiếp đoạn/ thi đọc cả bài.- Gọi 1 HS đọc cả bài- Cả lớp đọc đồng thanh toàn bài- GV nhắc HS theo dõi các bạn đọc, để nhận xét ưu điểm, phát hiện lỗi đọc sai.g) Tìm hiểu bài đọc - GV nêu YC: Chọn ý đúng - GV chỉ từng ý a, b cho cả lớp đọc.- Yêu cầu HS viết ý đúng vào thẻ- Yêu cầu HS chia sẻ kết quả-GV chốt lại ý đúng, yêu cầu HS đọc lại ý đúng: a,c **4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 phút)**- HS tìm tiếng ngoài bài có vần **au**; có vần **âu** (hoặc nói câu có vần **au** / vần **âu**. - GV nhận xét, cho HS đọc các từ vừa tìm được**\* Củng cố, nối tiếp (2 phút)**- GV nhận xét tiết học- Dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe; xem trước bài 108. êu, iu | - Lắng nghe+ Cả lớp đọc: **a - u – au**- Vần **au** có âm **a** đứng trước, âm **u** đứng sau ⇨ **a - u** **- au**.- HS (cá nhân, tổ, lớp) đánh vần và đọc trơn.- Tranh vẽ cây cau.- Tiếng *cau* có vần au.- Tiếng *cau* có âm *c (cờ)* đứng trước, vần *au* đứng sau ⇨ đánh vần, đọc trơn tiếng*cau*: **cờ** **- au – cau** / **cau**.- HS (cá nhân, tổ, lớp) đánh vần và đọc trơn.+ Cả lớp đọc: **â- u- âu**- Vần **âu** có âm **â** đứng trước, âm **u** đứng sau ⇨ **â - u** **- âu**.- HS (cá nhân, tổ, lớp) đánh vần và đọc trơn.- Tranh vẽ chim sâu.- Tiếng *sâu* có vần âu.- Tiếng *sâu* có âm *s* (*sờ*) đứng trước, vần *âu* đứng sau ⇨ đánh vần, đọc trơn tiếng*sâu*: **sờ** **- âu - sâu** / **sâu.**- HS (cá nhân, tổ, lớp) đánh vần và đọc trơn.- HS trả lời- HS trả lời- 1 HS nhắc lại yêu cầu.- HS đọc từng từ ngữ (HS đọc cá nhân, cả lớp- HS đọc- HS thảo luận nhóm- HS chia sẻ kết quả- HS lắng nghe- HS đọc vần, tiếng mới- 1 HS đọc vần **au**, nói cách viết-- Theo dõi Gv làm.- HS thực hiện yêu cầu- Viết bảng con : au, âu- 1HS đọc tiếng ổi, nói cách viết.- Quan sát Gv làm- HS thực hiện yêu cầu- Cả lớp viết bảng con theo yêu cầu- HS lắng nghe- HS quan sát- HS lắng nghe- HS lắng nghe- HS đọc cá nhân, nhóm, cả lớp- HS đếm và nói : 13 câu- HS đọc CN, cả lớp- HS đọc (cá nhân, từng cặp) - HS đọc theo hướng dẫn- HS thi đọc toàn bài- HS đọc đồng thanh- HS lắng nghe- HS lắng nghe- HS đọc- HS làm bài -viết ý mình chọn (a,c) vào thẻ. - HS giơ thẻ, báo cáo kết quả.- Cả lớp đọc ý a ,c- HS nêu kết quả- HS đọc- HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………